

Bản án số: 824/2019/HS-PT
Ngày 13-12-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ba

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung
Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 517/2018/TLPT-HS ngày 13 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo Phạm Văn H, Lê Kiệt K, Trần Văn M do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2018/HSST ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: Phạm Văn H, sinh năm 1992, tại tỉnh Kiên Giang. Hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Khu phố Ô, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Tài xế; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn M, sinh năm 1953 và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1954; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Lê Kiệt K, sinh năm 1993, tại tỉnh Cà Mau. Hộ khẩu thường trú: Số nhà 32, ấp T, xã L, thị xã L, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: Khu phố Ô, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Công nhân; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn L, sinh năm 1960 và bà Tiêu Thị P, sinh năm 1963 (chết năm 2017); tiền

án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: Trần Văn M, sinh năm 1993, tại tỉnh Long An. Hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Long An; chỗ ở: Khu phố Ô, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: Không biết chữ; nghề nghiệp: Bảo vệ; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1955; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

(Ngoài ra vụ án còn bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nhưng không kháng cáo, kháng nghị và không liên quan đến việc kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn D và Vũ Trường G cùng làm công nhân tổ khoan của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tân Dương (gọi tắt là Công ty Tân Dương) tại phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Trong lúc làm việc vào buổi sáng ngày 22/11/2016, do không vừa ý nhau về cách làm nên giữa D và G lớn tiếng cự cãi qua lại. Buổi chiều cùng ngày, do không thấy D đi làm nên G có suy nghĩ, khi tan ca về sẽ bị D chặn đường đánh nên G điện thoại cho cậu là Phạm Văn H (H là em ruột của mẹ G) đến đưa G về.

Khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, H cùng với K đến Công ty Tân Dương chở G về phòng trọ ở khu nhà trọ “Út Nghĩa” thuộc khu phố Ô, phường T, thị xã T nhưng không gặp D.

Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, H đến phòng trọ của G và chở G đến phòng trọ của D tại khu dân cư Phúc Đạt, ở khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp để gặp D nói chuyện và mục đích dọa D không được bắt nạt G nữa. Trước khi đi, H gọi điện rủ thêm M và K cùng đi. H điều khiển xe mô tô biển số 68K1-12204 chở G đến cổng Công ty Tân Dương đứng đợi một lát thì M điều khiển xe mô tô biển số 52L9 – 9984 chở K đến rồi cùng đi.

Khi đến phòng trọ của D thì H, G, M và K đứng dưới lòng đường đối diện phòng trọ; nhìn thấy D đang uống bia cùng với Bùi Thị Kim T (em gái của D) và Nguyễn Yến T (chồng của Bùi Thị Kim T) trong phòng trọ. H lên tiếng hỏi D “Tại sao lại đòi đánh G” và kêu D ra ngoài nói chuyện nhưng D không ra và đứng dậy đi vào phía trong. Nguyễn Yến T và Bùi Thị Kim T đứng dậy bước ra trước cửa phòng trọ, đứng đối diện với nhóm của H để nói chuyện. Trong lúc nói chuyện, Nguyễn Yến T dùng tay chỉ chỗ qua lại thì K gạt tay của Nguyễn Yến T làm Nguyễn Yến T loạng choạng và bước xuống đường. Lúc này, H, G, M và K cùng lao vào dùng tay, chân đánh Nguyễn Yến T. Thấy Nguyễn Yến T

bị đánh, Bùi Thị Kim T chạy ra can ngăn và dùng người che chắn cho Nguyễn Yến T thì cũng bị H, G, M và Khái dùng tay, chân đánh trúng, làm Nguyễn Yến T và Bùi Thị Kim T ngã xuống đường.

Thấy H, G, M và K đánh Nguyễn Yến T và Bùi Thị Kim T nằm dưới đường; D lấy một dao Thái lan dài khoảng 20cm, đang để trên kệ bếp chạy ra đâm loạn xạ vào phía H, G, M và K. G, M và K bị D đâm trúng ngã gục xuống đường; H thấy D cầm dao nên lấy một đoạn cây tầm vông dùng phoi đồ ở gần đó đánh D, làm cây tầm vông gãy thành nhiều đoạn nhưng H cũng bị D dùng dao đâm trúng một nhát vào vùng lưng. Sau đó, D bỏ chạy khỏi hiện trường. Những người dân xung quanh đưa H, G, K và M đến Phòng khám Đa khoa Nhân Đức Sài Gòn để cấp cứu. Ngay sau đó H, G, K và M được chuyển đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương cấp cứu nhưng G đã tử vong.

Bản giám định pháp y tử thi số 3163/PC54/GDPY ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Vũ Trường G có các vết thương như sau: Vùng ngực phải có vết rách da hình bầu dục bờ mép sắc gọn; vùng lưng phải có vết rách da hình bầu dục bờ mép sắc gọn; tụ máu dưới da và cơ vùng ngực phải; rách khe liên sườn 2, 3 ngực phải; tụ máu mặt trong xương ức, liên sườn 2, 3; thủng xuyên thấu mặt trước thùy giữa phổi phải; thủng mặt trước bên phải bao tim; thủng vùng liên nhĩ thất phải. Nguyên nhân chết của Vũ Trường G là có nhiều vết thương do vật sắc nhọn gây ra, trong đó có vết thương ở vùng ngực phải làm thủng tim, thủng phổi gây choáng mất máu, suy hô hấp dẫn đến tử vong.

Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 440/2016/GDPY ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Bình Dương, kết luận: Lê Kiệt K có các vết thương như sau: Vết thương ngực phải 02cm x 0,2cm, thấu ngực tràn khí, tràn máu màng phổi phải; vết thương nách phải 07cm x 0,2cm; vết thương cánh tay phải 01cm x 0,3cm; vết thương vai trái 1,5cm x 0,1cm; 02 vết thương lưng 01cm x 0,4cm và 01cm x 0,5cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 33% (ba mươi ba phần trăm).

Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 438/2016/GDPY ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Bình Dương, kết luận: Phạm Văn H có vết thương như sau: Vết thương lưng trái khoảng gian sườn 4 cạnh cột sống. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 02% (hai phần trăm).

Bản Kết luận giám định pháp y số 442/2016/GDPY ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Bình Dương, kết luận: Trần Văn M có các vết thương như sau: Vết thương vành tai trái gần dải tai, rách hờ sụn, sẹo 03cm x 0,2cm; 02 vết thương lưng phải 3,5cm x 0,4cm và 1,5cm x 0,2cm thấu ngực tràn khí màng phổi. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 08% (tám phần trăm).

Bản Kết luận giám định pháp y số 460/2016/GDPY ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Bình Dương, kết luận: Bùi Thị Kim T có các vết thương như sau: Đa chấn thương phần mềm, sưng nề vùng gò má phải, vai phải; vết thương cánh tay phải 02cm x 0,3cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 02% (hai phần trăm).

Bản Kết luận giám định pháp y số 461/2016/GDPY ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Bình Dương, kết luận: Nguyễn Yến T có các vết thương như sau: Đa chấn thương phần mềm; vết thương đầu 1,5cm x 0,5cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 02% (hai phần trăm).

Vật chứng thu giữ:

01 (một) dao, dạng tự chế, không rõ nhãn hiệu dài 10,8 cm.

01 (một) đoạn gỗ hình chữ nhật.

06 (sáu) đoạn gỗ (tâm vòng khô) hình tròn.

06 (sáu) chiếc dép.

Đối với dao bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã vứt bỏ không nhớ vị trí nên cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2018/HSST ngày 03/8/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn D phạm tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích.

Áp dụng khoản 2 Điều 123; khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn D 09 (chín) năm tù về tội “Giết người” và 06 (sáu) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Bùi Văn D phải chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/11/2016.

2. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H, Lê Kiệt K và Trần Văn M phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng khoản 1 Điều 245; điểm p, h khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt:

Bị cáo Phạm Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Bị cáo Lê Kiệt K 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Bị cáo Trần Văn M 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt các bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí

và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/8/2018 các bị cáo Trần Văn M, Lê Kiệt K và Phạm Văn H làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại đơn kháng cáo và trước phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo Trần Văn M, Lê Kiệt K và Phạm Văn H xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Ngày 22/11/2016 giữa bị cáo Bùi Văn D và bị hại Vũ Trường G đã xảy ra mâu thuẫn và cự cãi trong lúc làm việc tại Công ty Tân Dương ở phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Sau đó Vũ Trường G cùng với Trần Văn M, Lê Kiệt K và Phạm Văn H đến phòng trọ của bị cáo D để nói chuyện và mục đích hăm dọa bị cáo D không được bắt nạt G nữa. Trong lúc nói chuyện qua lại G, H, K, M đánh Nguyễn Yên T và Bùi Thị Kim T. Thấy hai người em của mình bị đánh ngã xuống đường, D lấy dao trong phòng trọ của mình chạy ra đâm loạn xạ nhiều nhất vào người của G, H, K, M làm G tử vong, H, K, M bị thương. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử bị cáo D về tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích”. Đối với các bị cáo H, K, M đã có hành vi đến phòng trọ của bị cáo D đánh hai người em của D ngã xuống đường, làm cho D bức xúc, ức chế tinh thần dẫn đến hành vi phạm tội. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xử các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn M và Lê Kiệt K về tội “Gây rối trật tự công cộng” là có căn cứ.

[2]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đã tụ tập ẩu đả, đánh nhau gây náo loạn trong khu dân cư làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương, chính hành vi của các bị cáo là nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội của bị cáo D, do đó cần xử phạt nghiêm để giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

[3]. Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã có xem xét tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cũng như đã xem xét mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo như: các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng để xử phạt các bị cáo. Tại đơn kháng cáo và trước phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào khác nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn M, Lê Kiệt K và Phạm Văn H nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn H, Lê Kiệt K, Trần Văn M và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H, Lê Kiệt K, Trần Văn M, phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng khoản 1 Điều 245; điểm p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt:

- Bị cáo Phạm Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.
- Bị cáo Lê Kiệt K 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.
- Bị cáo Trần Văn M 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt các bị cáo để thi hành án.

2. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Phạm Văn H, Lê Kiệt K, Trần Văn M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND tỉnh Bình Dương (1);
- Công an tỉnh Bình Dương (1);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (1);
- Cục THADS tỉnh Bình Dương (1);
- Bị cáo (3);
- Lưu hồ sơ vụ án (3), 13b. (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hữu Ba